

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HN&GD-ST

Ngày 21/01/2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KT, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quy

Ông Đào Xuân Tím

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện KT, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KT, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T – sinh năm 1989

Nơi ĐKKHKT, nơi cư trú: Thôn Phí G, xã Đồng C, huyện KT, tỉnh HD.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thái H – sinh năm 1989

Nơi ĐKKHKT: Thôn Phí G, xã Đồng C, huyện KT, tỉnh HD.

(Anh H hiện đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh HD, tại khu dân cư Cầu Dồng, phường Cộng H, thành phố Chí L, tỉnh HD).

(Chị T, anh H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Thái H kết hôn ngày 12/4/2013 tại UBND xã Thọ S, huyện Triệu S, tỉnh TH trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau cùng gia đình anh H tại thôn Phí G, xã Đồng C, huyện KT và chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, vợ chồng luôn bất hòa, không tìm được tiếng nói chung, không

có sự tin tưởng và yêu thương nhau, anh H mãi chơi, nghiện ma túy, không quan tâm đến gia đình. Chị cũng đã khuyên bảo và tha thứ cho anh H nhiều lần nhưng anh H vẫn chứng nào tật ấy, vẫn ham chơi nghiện ngập, cầm cả xe, điện thoại của chị nên cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Mặc dù mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo hòa giải nhiều lần, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện. Anh chị chính thức ly thân nhau từ đầu năm 2020 cho tới nay, không ai còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Tháng 9 năm 2020 anh H phải đi cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh HD ở Chí L cho đến nay, chị cũng không đến thăm gặp anh H nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Chị đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Thái H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung: Nguyễn Bùi Việt Anh – sinh ngày 21/11/2013 và Nguyễn Bùi Bảo An – sinh ngày 08/02/2016. Từ khi vợ chồng ly thân nhau hai con chung ở cùng anh H và gia đình anh H. Lý do cả hai con chung đang ở cùng anh H là do anh H muốn giữ hai con để nuôi. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Bùi Bảo A, chị tự nguyện giao con chung Nguyễn Bùi Việt A cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc vì anh H cũng rất yêu thương con, mẹ anh H cũng sẽ chăm sóc tốt cho cháu Việt A. Anh H đi cai nghiện có thời hạn nên cũng sẽ trở về, trước khi anh H đi cai nghiện thì anh H có mở quán kinh doanh nên có thu nhập. Cháu Việt A hiện tại đang học ở trường tiểu học Đồng C nên chị cũng không muốn làm xáo trộn cuộc sống, học tập của cháu. Hiện tại chị làm nghề tự do, thu nhập bình quân 8.000.000 đồng/tháng nên sẽ đảm bảo cho việc nuôi cháu A. Chị tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: chị xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, do anh H đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh HD nên Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H theo đúng quy định của pháp luật. Tại biên bản ghi lời khai ngày 25/12/2020 anh H trình bày: Anh và chị Bùi Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, chị T có biểu hiện không chung thủy, nhấn tin với người đàn ông khác và do anh mãi chơi và bị nghiện ma túy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Đến đầu năm 2020 vợ chồng ly thân nhau, cắt đứt mọi tình cảm cũng như kinh tế. Đến tháng 9 năm 2020 anh đi cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma

tuý tỉnh HD thì chị T cũng không đến thăm anh. Mâu thuẫn của anh chị cũng đã được gia đình hai bên khuyên bảo hoà giải nhưng vợ chồng vẫn không hoà hợp được. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung: Nguyễn Bùi Việt A – sinh ngày 21/11/2013 và Nguyễn Bùi Bảo A – sinh ngày 08/02/2016. Hiện tại hai con chung đang ở cùng anh. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung. Anh tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Nếu được nuôi con thì trong thời gian cai nghiện anh sẽ nhờ mẹ anh trông con và chăm sóc giúp anh.

Toà án làm việc với bà Phạm Thị D là mẹ đẻ chị T xác định: Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh H có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H mãi chơi, nghiện ma tuý nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nếu chị T được nuôi con thì bà sẽ giúp đỡ chị T trong việc trông nom, chăm sóc con chung.

Toà án làm việc với bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ anh H xác định: Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh H có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh H mãi chơi và chị T có biểu hiện không chung thuỷ nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn to tiếng với nhau. Chị T đã bỏ ra ngoài sinh sống trước khi anh H đi cai nghiện. Hiện anh H đang đi cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma tuý tỉnh HD, chị T có đơn ly hôn anh H, bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu anh H được nuôi hai con thì bà sẽ giúp đỡ anh H trong việc chăm sóc, nuôi con trong thời gian anh H đi cai nghiện, bà không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con trong thời gian bà nuôi con cho anh H. Anh H thường ngày ở nhà cũng rất yêu thương chăm sóc con và có mở quán kinh doanh, có thu nhập nên sau này anh H hết thời gian cai nghiện trở về địa phương thì vẫn luôn đảm bảo tốt việc nuôi con, gia đình bà cũng luôn tạo điều kiện, hỗ trợ, giúp đỡ anh H trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt quyết định cho anh H đến tham gia phiên tòa nhưng anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình đưa vụ án ra xét xử chị T có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Chi vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu khởi kiện. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện KT, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 39 Bộ luật Dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thái H Về con chung: Giao con chung: Nguyễn Bùi Việt A – sinh ngày 21/11/2013 cho anh Nguyễn Thái H, giao con chung Nguyễn Bùi Bảo A – sinh ngày 08/02/2016 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ tháng 01 năm 2021 đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Do anh H hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh HD nên tạm giao cháu Nguyễn Bùi Việt A cho bà Nguyễn Thị L (là mẹ đẻ anh H) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh H cai nghiện xong trở về. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị T và anh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Thái H kết hôn ngày 12/4/2013 tại UBND xã Thọ S, huyện Triệu S, tỉnh TH, việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tôn trọng và yêu thương nhau mà luôn nghi ngờ nhau, anh H ham chơi nghiện ma túy. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay nhưng anh H cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ hôn nhân với chị T. Chị T vẫn kiên quyết đề nghị xin ly hôn với anh H, anh H cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị T xin được ly hôn anh Nguyễn Thái H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Tuyên và anh H có 2 con chung: Nguyễn Bùi Việt A – sinh ngày 21/11/2013 và Nguyễn Bùi Bảo A – sinh ngày 08/02/2016. Chị T có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Bùi Bảo A, còn cháu Nguyễn Bùi Việt A chị giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung. Chị T và anh H đều tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T có công việc, thu nhập ổn định, cháu Bảo A còn nhỏ và là con gái cần được sự chăm sóc của người mẹ, còn cháu Việt A đã hơn 7 tuổi, đang ở cùng gia đình anh H và cháu có nguyện vọng được ở với anh H. Do vậy để đảm bảo sự ổn định, phát triển tâm sinh lý của con chung cũng như không làm xáo trộn cuộc sống của con chung nên cần giao con chung Nguyễn Bùi Bảo A cho chị Bùi Thị T, giao con chung Nguyễn Bùi Việt A cho anh Nguyễn Thái H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tạm giao cháu Nguyễn Bùi Việt A cho bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1955, trú tại thôn Phú G, xã Đồng C, huyện KT, tỉnh HD (là mẹ đẻ anh H) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi anh H cai nghiện trở về đón con. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T, anh H về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị T có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thái H.
2. Về con chung: Giao con chung: Nguyễn Bùi Bảo A – sinh ngày 08/02/2016 cho chị Bùi Thị T, giao con chung: Nguyễn Bùi Việt A – sinh ngày 21/11/2013 cho anh Nguyễn Thái H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Tạm giao cháu Nguyễn Bùi Việt A cho bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1955, trú tại thôn Phú G, xã Đồng C, huyện KT, tỉnh HD (là mẹ đẻ anh H) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi anh H cai nghiện

trở về đón con. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T, anh H về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Thái H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2018/0001649 ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KT, tỉnh Hải Dương. Chị Bùi Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện KT, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện KT, tỉnh Hải Dương;
- Ủy ban nhân dân xã Thọ S, huyện Triệu S, tỉnh TH;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quy

Đào Xuân Tim

Đỗ Thị Hạnh

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện KT, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện KT, tỉnh Hải Dương;
- Ủy ban nhân dân xã Thọ Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện KT,
tỉnh Hải Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đỗ Thị Hạnh**

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện KT, tỉnh Hải Dương;
- Ủy ban nhân dân xã Tam Kỳ, huyện KT, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Vào hồi giờ phút, ngày 18 tháng 9 năm 2020

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hạnh

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Đào Xuân Tím và ông Ngô Văn Minh

Tiến hành thảo luận vụ án dân sự thụ lý số: 171/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Vân – sinh năm 1985

Nơi ĐKKHKT, nơi cư trú: Thôn Bắc, xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Hoàng Ngọc Tuyền – sinh năm 1983

Nơi ĐKKHKT, nơi cư trú: Thôn Bắc, xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG THẢO LUẬN

Căn cứ vào Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Xét thấy tại phiên tòa, anh Hoàng Ngọc Tuyền là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

HĐXX thảo luận và quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa được mở lại vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 28/9/2020, tại trụ sở TAND huyện Kim Thành,

Biên bản lập xong hồi giờ phút cùng ngày, đã đọc lại cho các thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và nhất trí ký tên dưới đây

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Minh

Đào Xuân Tím

Đỗ Thị Hạnh

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 20 phút, ngày 21 tháng 01 năm 2021

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hạnh

- **Hội thẩm nhân dân:** Bà Nguyễn Thị Quy và ông Đào Xuân Tím

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 306/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T – sinh năm 1989

Nơi ĐKKHKT, nơi cư trú: Thôn Phí Gia, xã Đồng Cẩm, huyện KT, tỉnh HD.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thái H – sinh năm 1989

Nơi ĐKKHKT: Thôn Phí Gia, xã Đồng Cẩm, huyện KT, tỉnh HD.

(Anh H hiện đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh HD, tại khu dân cư Cầu Dồng, phường Cộng Hoà, thành phố Chí Linh, tỉnh HD).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Căn cứ áp dụng pháp luật: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Với kết quả biểu quyết nhất trí $3/3 = 100\%$

2. Về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thái H.

- Về con chung: Giao con chung: Nguyễn Bùi Bảo An – sinh ngày 08/02/2016 cho chị Bùi Thị T, giao con chung: Nguyễn Bùi Việt Anh – sinh ngày 21/11/2013 cho anh Nguyễn Thái H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Tạm giao cháu Nguyễn Bùi Việt Anh cho bà Nguyễn Thị Lệ – sinh năm 1955, trú tại thôn Phí Gia, xã Đồng Cẩm, huyện KT, tỉnh HD (là mẹ đẻ anh H) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi anh

H cai nghiện trở về đón con. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T, anh H về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Thái H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Với kết quả biểu quyết nhất trí 3/3 = 100%

3. Án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2018/0001649 ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KT, tỉnh Hải Dương. Chị Bùi Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Với kết quả biểu quyết nhất trí 3/3 = 100%

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật
Với kết quả biểu quyết nhất trí 3/3 = 100%

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, cùng ngày,

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quy

Đào Xuân Tím

Đỗ Thị Hạnh